

Thông đốc NHNN trả lời kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII

Thực hiện yêu cầu của Ban Dân nguyện và Văn phòng Chính phủ, vừa qua Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Văn Bình đã có văn bản trả lời các kiến nghị cử tri tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII. Dưới đây là toàn văn nội dung trả lời của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước:

I. CÁC KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN KIỂM CHẾ LẠM PHÁT VÀ LÃI SUẤT:

1.1. *Hiện nay, giá vật tư, nhiên liệu tăng gây khó khăn cho nhân dân, đề nghị có giải pháp mạnh trong kiểm chế lạm phát (cử tri tỉnh Cà Mau).*

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ về việc nhất quán mục tiêu kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, trong các tháng đầu năm 2012, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt phù hợp với cân đối vĩ mô, phối hợp hài hòa giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra; chủ động phối hợp với các bộ, ngành triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm kiểm soát lạm phát. Vì vậy, trong 8 tháng đầu năm 2012, lạm phát chỉ tăng 2,86% so với cuối năm 2011.

1.2. *Đề nghị NHNN cần tính toán hạ lãi suất huy động gắn với việc so sánh lạm phát, sớm giải quyết bất cập về lãi suất, xem xét việc bỏ trần lãi suất huy động vốn, thực hiện lãi suất trần cho vay theo ngành hoặc quy định mức chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay phù hợp, quy định trần lãi suất cho vay sản xuất nông nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn còn khoảng từ 14-15%/năm (cử tri các tỉnh Cao Bằng, Gia Lai).*

- *Về hạ lãi suất huy động gắn với lạm phát:* Việc điều hành lãi suất của NHNN được thực hiện trên cơ sở diễn biến của lạm phát, diễn biến kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường tiền tệ và mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

Bám sát diễn biến lạm phát và kinh tế vĩ mô, kể từ tháng 3/2012, NHNN đã 04 lần điều chỉnh giảm trần lãi suất huy động với tổng mức giảm từ 4%-5%/năm. Theo đó, mức trần lãi suất huy động VND được điều chỉnh giảm từ mức 13%/năm xuống 9%/năm đối với kỳ hạn dưới 12 tháng. Đây là mức lãi suất phù hợp với diễn biến lạm phát¹ và đảm bảo hài hòa lợi ích của người gửi tiền, TCTD và người vay. Đồng thời, duy trì được sự hấp dẫn của lãi suất huy động VND so với lãi suất huy động bằng ngoại tệ, góp phần duy trì sự ổn định của tỷ giá, vàng và hạn chế tình trạng đô la hóa, vàng hóa trong nền kinh tế.

- *Về bỏ trần lãi suất huy động:* Trong bối cảnh hiện nay, việc bỏ trần lãi suất huy động là chưa phù hợp vì mặc dù thanh khoản của các TCTD đã được cải thiện tích cực nhưng chưa đồng đều giữa các TCTD, một số TCTD yếu kém vẫn gặp khó khăn về thanh khoản. Nếu bỏ trần lãi suất huy động thì các TCTD yếu kém sẽ tăng lãi suất huy động để thu hút nguồn vốn huy động, từ đó đẩy mặt bằng lãi suất huy động tăng cao, kéo lãi suất cho vay tăng theo.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá, NHNN thấy rằng tiếp tục duy trì quy định trần lãi suất huy động là chính sách tối ưu trong bối cảnh hiện nay. Khi điều kiện kinh tế vĩ mô và tiền tệ cho phép, NHNN sẽ cân nhắc bỏ trần lãi suất huy động.

- *Về quy định trần lãi suất cho vay theo ngành, trong đó quy định trần lãi suất cho vay sản xuất nông nghiệp khoảng 14-15% hoặc quy định mức chênh lệch giữa lãi suất huy động và cho vay phù hợp:*

¹ Lạm phát tháng 8/2012 tăng 5,04% so với cùng kỳ năm 2011 và kỳ vọng lạm phát cả năm 2012 khoảng 7-8%.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, NHNN đã quy định lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với 04 lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, sử dụng nhiều lao động) bằng trần lãi suất huy động VND cộng (+) 3% kể từ ngày 8/5/2012 và giảm xuống mức 13%/năm kể từ ngày 11/6/2012. Đồng thời, NHNN còn đề nghị các TCTD điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với các khoản dư nợ trước đây về mức tối đa 15%/năm kể từ ngày 15/7/2012.

Thực hiện chỉ đạo của NHNN, các TCTD đã và đang tích cực triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn và triển khai nhiều chương trình cho vay lãi suất thấp đối với các lĩnh vực ưu tiên; áp dụng lãi suất hợp lý đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, phương án kinh doanh khả thi; tích cực rà soát, điều chỉnh lãi suất cho vay của các khoản nợ cũ về mức tối đa 15%/năm².

1.3. Đề nghị có biện pháp giảm lãi suất cho vay, đồng thời, làm rõ vấn đề điều tiết lãi suất huy động và lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước có nguyên nhân vì “lợi ích nhóm” hay không vì việc giảm lãi suất cho vay không được thực hiện cùng với giảm lãi suất huy động; (cử tri các tỉnh Quảng Bình, Hòa Bình, Bắc Giang, Long An, Hải Dương, Hưng Yên, Cao Bằng, An Giang, Bạc Liêu, Quảng Nam, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Gia Lai).

Trước những diễn biến tích cực của lạm phát, bên cạnh việc liên tục điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành của NHNN và trần lãi suất huy động VND của các TCTD, NHNN đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết kiệm chi phí kinh doanh để giảm lãi suất cho vay và chủ động rà soát, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ngân hàng với lãi suất hợp lý; xem xét, điều chỉnh giảm lãi suất cho vay của các hợp đồng tín dụng đã ký trước đây xuống mức lãi suất cho vay hiện hành; quy định lãi suất cho vay tối đa VND đối với 04 lĩnh vực ưu tiên kể từ tháng 5/2012 và từng bước điều chỉnh giảm phù hợp với mức giảm lãi suất huy động VND³; đề nghị các tổ chức tín dụng điều chỉnh giảm lãi suất đối với các khoản vay cũ xuống mức tối đa là 15%/năm kể từ ngày 15/7/2012.

Nhờ đó, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm mạnh so với cuối năm 2011 với mức giảm từ 3-6%/năm, trong đó, lãi suất cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên phổ biến ở mức 10-13%/năm (một số ngân hàng áp dụng lãi suất dưới 10%/năm đối với các khách hàng vay vốn xuất khẩu kèm theo cam kết bán ngoại tệ cho ngân hàng), đối với lĩnh vực kinh doanh khác và tiêu dùng phổ biến ở mức 13-14%, các khoản vay thuộc lĩnh vực không ưu tiên phổ biến ở mức 15%/năm.

Như vậy, có thể khẳng định không có vấn đề “lợi ích nhóm” trong việc điều hành lãi suất của NHNN. Thực hiện chỉ đạo của NHNN, cùng với việc điều chỉnh giảm lãi suất huy động, các TCTD đã rất tích cực triển khai các giải pháp giảm nhanh mặt bằng lãi suất cho vay nhằm chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp và nền kinh tế.

1.4. Đề nghị bỏ trần lãi suất cho vay (cử tri tỉnh An Giang).

Việc NHNN quy định lãi suất cho vay tối đa đối với 04 lĩnh vực ưu tiên nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng kinh doanh trong các lĩnh vực ưu tiên được tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng với mức lãi suất thấp hơn so với các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh đối với 04 lĩnh vực ưu tiên. Khi

² Chỉ trong vòng 3 tuần, tỷ trọng dư nợ cho vay có mức lãi suất trên 15%/năm còn 29,1%, giảm khoảng 60% so với tỷ trọng trước ngày 15/7/2012.

³ Lãi suất cho vay VND tối đa đối với 4 lĩnh vực ưu tiên là 15%/năm kể từ ngày 08/5/2012, 14%/năm kể từ 28/5/2012 và giảm xuống 13%/năm kể từ 11/6/2012.

hoạt động sản xuất, kinh doanh được phục hồi trở lại, kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ ổn định bền vững... NHNN sẽ xem xét bỏ trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên này.

1.5. Lãi suất huy động và cho vay biến động liên tục ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh. Đề nghị sớm ban hành cơ chế quản lý chặt chẽ đối với các ngân hàng nhằm lành mạnh hóa thị trường tiền tệ, thúc đẩy sản xuất-kinh doanh (cử tri tỉnh Quảng Nam, Hưng Yên).

Chính sách lãi suất được NHNN điều hành trên cơ sở diễn biến của lạm phát, yếu tố kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ và mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ. Thời gian qua, lạm phát biến động liên tục, do đó chính sách lãi suất huy động và cho vay cũng được NHNN điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với diễn biến lạm phát, kinh tế vĩ mô và chủ trương giảm nhanh lãi suất, góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường của Chính phủ.

Trên cơ sở dự báo tình hình lạm phát, diễn biến kinh tế vĩ mô, từ nay đến cuối năm 2012, NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với các cân đối vĩ mô nhằm kích thích tăng trưởng tín dụng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn tín dụng của ngân hàng với mức hợp lý; thường xuyên giám sát chặt chẽ việc áp dụng lãi suất cho vay và việc thực hiện chính sách cho vay lãi suất thấp đối với các lĩnh vực ưu tiên.

1.6. Lãi suất cho vay của Việt Nam năm 2011 và Quý I/2012 cao gấp 3-4 lần so với các nước trong khu vực... Đề nghị áp dụng mức lãi suất cho vay ngang bằng với mức lãi suất của các nước trong khu vực (cử tri tỉnh Hậu Giang).

Mặt bằng lãi suất của một nước, bên cạnh việc chịu tác động trực tiếp của quan hệ cung, cầu vốn trên thị trường tiền tệ, còn chịu tác động của diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát của nước đó. Các nước trong khu vực có thể duy trì mức lãi suất cho vay thấp là vì: Lạm phát của các nước này được kiểm chế ở mức thấp, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định; khả năng dự báo và hoạch định kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư ở mức cao; gửi tiền tại ngân hàng chỉ là một hình thức đầu tư an toàn, không phải là hình thức đầu tư hiệu quả nhất; hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp không quá phụ thuộc vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

Việt Nam là nước đang phát triển, lạm phát thường ở mức cao hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; khả năng huy động vốn từ tổ chức, cá nhân trong nước để cho vay đối với nền kinh tế còn hạn chế; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào vốn vay ngân hàng... nên việc điều hành lãi suất cần đảm bảo hài hòa lợi ích của người gửi tiền - TCTD và khách hàng vay, phù hợp với diễn biến kinh tế và thị trường tiền tệ để đảm bảo kiểm chế lạm phát, duy trì sự ổn định của tỷ giá và hạn chế tình trạng đô la hóa, vàng hóa trong nền kinh tế.

Trong bối cảnh hiện nay, mức lãi suất cho vay VND phổ biến từ 10-15%/năm là phù hợp với kỳ vọng lạm phát 7-8% trong năm 2012 và mối tương quan với lãi suất huy động, cho vay bằng ngoại tệ.

1.7. Đề nghị NHNN thực hiện thanh, kiểm tra thường xuyên và xử lý nghiêm những tổ chức tín dụng thực hiện không đúng quy định của NHNN về trần lãi suất huy động, trần lãi suất cho vay và các khoản phí người vay phải chịu (cử tri các tỉnh Hưng Yên, An Giang, Phú Thọ, Phú Yên).

Từ năm 2011, NHNN đã sử dụng đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp nhằm kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc các TCTD chấp hành quy định trần lãi suất huy động và việc thu phí hoạt động cho vay. Đặc biệt ngày 7/9/2011, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN quy định cụ thể hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với cá nhân, tổ chức và người đứng đầu tổ

chức vi phạm trần lãi suất huy động như yêu cầu các TCTD vi phạm kiểm điểm trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm, kể cả việc không cho phép các TCTD vi phạm được mở chi nhánh, phòng giao dịch, đặt máy ATM trên phạm vi toàn quốc trong vòng 01 năm kể từ ngày vi phạm.

Sau khi ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN, NHNN đã phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đã xử lý nghiêm một số trường hợp vi phạm trần lãi suất huy động, gồm: Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Tây Ninh, Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Phòng Giao dịch Hàng Trống...

Sang năm 2012, NHNN tiếp tục yêu cầu các đơn vị chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về lãi suất huy động, lãi suất cho vay và thu phí hoạt động cho vay của các TCTD để xử lý nghiêm khắc những trường hợp vi phạm. NHNN rất mong nhận được sự hỗ trợ tích cực của cử tri trong việc phát hiện các hành vi vi phạm. Nếu phát hiện các hành vi vi phạm, cử tri phản ánh ngay với NHNN chi nhánh trên địa bàn hoặc NHNN Trung ương qua đường dây nóng để xem xét xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

II. CÁC KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG:

2.1. Việc thắt chặt nguồn vốn tín dụng đã gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, đề nghị NHNN có chính sách sách khuyến khích các ngân hàng thương mại tăng thêm nguồn vốn tín dụng, mở rộng thêm loại hình vốn tín dụng, hỗ trợ các ngân hàng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận vốn và vốn ưu đãi với lãi suất thấp (cử tri các tỉnh Cao Bằng, Hải Phòng, Bình Phước, Cà Mau, Hòa Bình, Long An, An Giang, Hậu Giang, Nghệ An, Lạng Sơn, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Bạc Liêu, Gia Lai, Cần Thơ, Hưng Yên, Quảng Nam, Quảng Bình, Ninh Thuận, Đồng Tháp).

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, trong những tháng đầu năm 2012, bên cạnh các giải pháp giảm nhanh mặt bằng lãi suất cho vay, NHNN đã triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng một cách hiệu quả. Cụ thể:

Chỉ đạo các TCTD: (i) tích cực chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho các lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, sử dụng nhiều lao động); (ii) rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để tháo gỡ khó khăn cho khách hàng trong việc trả nợ vốn vay; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với khách hàng có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt; xem xét miễn, giảm lãi phải trả đối với khách hàng bị tổn thất về tài sản dẫn đến khó khăn về tài chính theo quy định pháp luật; (iii) tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có triển vọng phát triển, có sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường nhưng đang gặp khó khăn về tài chính vay được vốn ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh; (iv) xây dựng kế hoạch tăng trưởng tín dụng trong những tháng cuối năm phù hợp với chủ trương mở rộng tín dụng hiệu quả của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước...

Ngoài ra, NHNN đã phối hợp với tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức Hội nghị kết nối ngân hàng và doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quan hệ tín dụng giữa TCTD và doanh nghiệp trên địa bàn; Chủ động phối hợp, làm việc trực tiếp với một số Bộ, ngành (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng...) nhằm nắm bắt khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ cụ thể, phù hợp đối với từng lĩnh vực, đặc biệt là xử lý vấn đề hàng tồn kho để có cơ sở mở rộng

tín dụng cho doanh nghiệp; Đề nghị Bộ Tài chính triển khai có hiệu quả các giải pháp phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp để tạo thêm kênh hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp bên cạnh nguồn vốn tín dụng ngân hàng; hoàn thiện phương thức và thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh doanh nghiệp nhỏ và vừa (qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam), cùng với các tổ chức tín dụng tạo kênh cung ứng vốn có hiệu quả cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Dự thảo Thông tư hướng dẫn các ngân hàng thương mại phối hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam triển khai thực hiện cơ chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn...

Thực hiện chỉ đạo của NHNN, các tổ chức tín dụng đã và đang tích cực triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn, mở rộng thêm nhiều loại hình tín dụng và triển khai nhiều chương trình cho vay lãi suất thấp đối với các lĩnh vực ưu tiên; áp dụng lãi suất hợp lý đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, phương án kinh doanh khả thi.

Nhờ triển khai đồng bộ, chủ động các giải pháp nêu trên, nên sau 5 tháng tăng trưởng âm, tính đến ngày 20/8/2012, tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng đã tăng 1,4% so với 31/12/2011.

Trong những tháng cuối năm 2012, cùng với việc tiếp tục triển khai các giải pháp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ngân hàng, NHNN sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp tại Nghị quyết 01/NQ-CP và Nghị quyết 13/NQ-CP của Chính phủ như: Tập trung đẩy nhanh việc thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, đẩy nhanh thực hiện các dự án ODA, hỗ trợ thuế đúng đối tượng, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, kích thích tiêu thụ và tiêu dùng, giải phóng hàng tồn kho của các doanh nghiệp... để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng ở mức hợp lý.

2.2. Đề nghị tăng mức cho vay, tăng thời gian vay vốn phù hợp với chu kỳ sản xuất, giãn nợ, mở rộng đối tượng được ưu đãi vay vốn ngân hàng (cử tri các tỉnh Hòa Bình, Long An, An Giang, Hậu Giang, Nghệ An, Bắc Giang, Lạng Sơn, Bạc Liêu, Quảng Nam, Quảng Bình, Ninh Thuận, Long An, Đồng Tháp).

- Về tăng mức vay vốn: Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: TCTD căn cứ vào nhu cầu vay vốn và khả năng hoàn trả nợ của khách hàng, khả năng nguồn vốn của mình để quyết định mức cho vay. Như vậy, việc quyết định mức cho vay không chỉ phụ thuộc vào nhu cầu vay vốn của khách hàng mà còn phụ thuộc vào khả năng hoàn trả nợ của khách hàng và khả năng nguồn vốn của TCTD. Trong bối cảnh nợ xấu đang có xu hướng gia tăng nhanh, khả năng trả nợ của doanh nghiệp và người dân suy giảm, các TCTD cần phải thận trọng hơn trong việc xem xét, quyết định mức cho vay để đảm bảo khả năng thu hồi nợ, hạn chế nợ xấu gia tăng.

- Về tăng thời gian vay vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất: Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách quy định: thời hạn cho vay do TCTD và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của khách hàng và khả năng nguồn vốn của TCTD. Bên cạnh đó, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn cũng quy định: căn cứ vào thời gian luân chuyển vốn, khả năng hoàn vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời hạn vay vốn phù hợp.

Như vậy, thời hạn cho vay do TCTD và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của khách hàng và khả năng nguồn vốn của TCTD. Hiện nay, nguồn vốn huy động của ngân hàng chủ yếu là nguồn vốn ngắn hạn, nên việc xem xét tăng thời hạn vay vốn đối với khách hàng của TCTD còn hạn chế. Tuy nhiên, trường hợp khách hàng không trả được nợ đúng hạn, thì có thể đề nghị

TCTD xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn nợ hoặc kéo dài thời hạn trả nợ theo quy định hiện hành về gia hạn nợ.

- *Về giãn nợ*: Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: khi khách hàng gặp khó khăn về tài chính, không trả được nợ gốc/lãi đúng hạn thì tổ chức tín dụng được quyền xem xét, quyết định gia hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi tiền vay. Như vậy, khi gặp khó khăn về tài chính, không trả được nợ, khách hàng cần đề nghị TCTD xem xét gia hạn nợ theo quy định hiện hành.

- *Về mở rộng đối tượng cho vay ưu đãi*: Hiện nay, Chính phủ đã ban hành các cơ chế chính sách tín dụng ưu đãi đối với nhiều lĩnh vực trên cơ sở chính sách và chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ, như chính sách cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người nghèo, học sinh, sinh viên, các hộ sản xuất, kinh doanh thuộc các vùng điều kiện khó khăn, các đối tượng thuộc 61 huyện nghèo; chính sách cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về đầu tư xuất khẩu của Nhà nước; chính sách cho vay nông nghiệp, nông thôn do các ngân hàng thương mại thực hiện.

Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn như hiện nay, việc mở rộng đối tượng cho vay ưu đãi cần cân nhắc kỹ lưỡng trên cơ sở khả năng của ngân sách nhà nước.

2.3. Đề nghị hỗ trợ lãi suất trong nông nghiệp, tạo điều kiện giúp người dân vay vốn dễ dàng và tiếp cận với khoa học công nghệ, ứng dụng vào quá trình sản xuất nông nghiệp (cử tri các tỉnh Kiên Giang, Long An, An Giang, Hậu Giang, Nghệ An, Hải Dương).

Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với lĩnh vực nông nghiệp là biện pháp cần hạn chế ở mức tối đa để tránh vi phạm các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO. Để khuyến khích hệ thống ngân hàng tập trung vốn và giảm chi phí cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế chính sách ưu đãi đối với các tổ chức tín dụng mở rộng cho vay lĩnh vực này. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND thấp hơn so với tỷ lệ dự trữ bắt buộc thông thường đối với tổ chức tín dụng có tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn cao; hàng năm, dành lượng tiền cung ứng để tái cấp vốn cho tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với mục tiêu, biện pháp điều hành chính sách tiền tệ; các khoản cho vay tái cấp vốn đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được Ngân hàng Nhà nước ưu tiên về thời hạn và nguồn vốn cho vay, so với các lĩnh vực khác; đồng thời, khuyến khích các TCTD tập trung vốn cho vay nông nghiệp, nông thôn, nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới, áp dụng cơ giới hóa, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp.

Thực hiện chỉ đạo của NHNN, thời gian qua các ngân hàng thương mại đã tích cực triển khai nhiều chương trình tín dụng hỗ trợ cho khách hàng vay vốn, trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai chương trình cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, bao gồm: cho vay chi phí mùa vụ đối với hộ nông dân, cho vay thu mua, tạm trữ xuất khẩu lương thực; cho vay sản xuất, chế biến thủy sản; cho vay ngành cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, chè... với tổng hạn mức tín dụng dự kiến của chương trình khoảng 37.680 tỷ đồng; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển đã triển khai chương trình tài trợ xuất khẩu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long cho các khách hàng doanh nghiệp trong lĩnh vực thủy sản, gạo, nông sản thuộc khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long với tổng hạn mức tín dụng là 150 triệu USD từ ngày 04/5/2012 đến ngày 28/6/2012....

Nhờ đó, đến ngày 30/6/2012, mặc dù dư nợ đối với nền kinh tế của hệ thống các tổ chức tín dụng tăng không đáng kể nhưng dư nợ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã đạt 518.120 tỷ đồng, tăng 3,8% so với cuối năm 2011 và chiếm tỷ trọng 19,7% so với tổng dư nợ cho vay toàn hệ thống.

2.4. Đề nghị có chính sách hỗ trợ đối với một số lĩnh vực nông nghiệp: (i)mua mới hoặc tu sửa các loại nông, ngư cụ, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp;(ii)mua máy móc, thiết bị, hệ thống sấy lúa, nông ngư cụ xây dựng kho tạm trữ, hệ thống lò sấy vải thiều theo Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ;(iii) thu mua nông sản trên địa bàn Tây Nguyên, mua USD để kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng nông sản như cà phê, tiêu, ca cao, điều... (cử tri các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Long An, An Giang, Hậu Giang, Nghệ An, Kiên Giang, Bạc Liêu, Quảng Nam, Quảng Bình, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Đắk Lắk).

- Việc đầu tư mua mới hoặc tu sửa các loại nông, ngư cụ và thu mua nông sản nói chung, thu mua trên địa bàn Tây Nguyên nói riêng là các lĩnh vực được vay vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP, do vậy sẽ được hưởng đầy đủ các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này.

Ngày 10/4/2012, Ngân hàng Nhà nước có văn bản số 2056/NHNN-CSTT chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản vay không trả nợ đúng hạn do tác động của các yếu tố kinh tế trong nước và quốc tế làm cho sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn, chậm tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm, ứ đọng tồn kho hàng hóa, chủ động phối hợp với khách hàng vay để tháo gỡ khó khăn trong việc trả nợ và tiếp cận vay vốn, nhằm tạo điều kiện cho khách hàng vay từng bước phục hồi, duy trì và mở rộng sản xuất - kinh doanh, đảm bảo khả năng trả nợ, giảm nợ xấu.

- Ngày 22/6/2012, NHNN ban hành Thông tư số 22/2012/TT-NHNN hướng dẫn chi tiết thực hiện Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 của TTCP về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản. Theo đó các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vay vốn để đầu tư máy móc, thiết bị giảm tổn thất sau thu hoạch được vay hỗ trợ lãi suất tại các ngân hàng thương mại nhà nước và vay theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Do vậy, các tổ chức, cá nhân đầu tư mua máy móc, thiết bị, lò sấy lúa mà thuộc danh mục máy móc, thiết bị giảm tổn thất sau thu hoạch theo công bố của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất (hoặc áp dụng lãi suất tín dụng đầu tư phát triển) theo quy định hiện hành.

- Các doanh nghiệp trong nước thực hiện xuất khẩu các mặt hàng nông sản như cà phê, tiêu, ca cao, điều... được vay vốn bằng ngoại tệ để kinh doanh theo đúng quy định của NHNN tại Thông tư số 03/2012/TT-NHNN ngày 08/3/2012 quy định cho vay bằng ngoại tệ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú. Trong điều kiện thanh khoản ngoại tệ đang diễn biến tích cực như hiện nay, nhu cầu mua USD của các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản sẽ được các tổ chức tín dụng đáp ứng kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

2.5. Đề nghị xem xét cho nông dân vay vốn vụ sau bằng cách không thu hồi tiền gốc, chỉ trả lãi vay của vụ trước và cho vay vốn bằng mức vay của vụ trước với lãi suất cao hơn, quy định thu lãi 06 tháng hoặc 1 năm 1 lần (cử tri các tỉnh Kiên Giang, Long An, An Giang, Hậu Giang, Nghệ An, Hải Dương).

Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng quy định: TCTD và khách hàng vay được thỏa thuận trả lãi tiền vay cùng với tiền gốc hoặc trả theo các kỳ hạn gốc, lãi khác nhau. Vì vậy khách hàng có thể thỏa thuận với TCTD về kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi cho phù hợp với khả năng tài chính và nguồn thu của khách hàng.

Trên thực tế, để đơn giản thủ tục vay và tiết kiệm chi phí, một số TCTD, như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đang thực hiện cho vay theo phương thức lưu vụ đối với các trường hợp khách hàng có chu kỳ sản xuất kinh doanh ngắn và các chu kỳ sản xuất kinh doanh sát nhau (như trường hợp các vụ trồng lúa ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu

Long). Tức là, khi đến hạn trả nợ vay mà khách hàng vẫn tiếp tục có nhu cầu vay vốn để phục vụ chu kỳ sản xuất kinh doanh mới, nếu tổ chức tín dụng đánh giá khách hàng vẫn đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn, thì có thể chấp thuận để khách hàng tiếp tục sử dụng tiền vay phục vụ cho chu kỳ sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở thủ tục cho vay mới và thu hồi nợ vay cũ. Hình thức này phù hợp với các quy định của pháp luật về cơ chế cho vay. Vì vậy, hộ dân có thể đề nghị TCTD xem xét cho vay theo phương thức lưu vụ.

2.6. Đề nghị kiểm tra lại những bất cập trong chính sách tín dụng cho sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP; đồng thời, xem xét điều chỉnh bổ sung thêm đối tượng và cơ chế cho vay đảm bảo dễ dàng, thuận tiện (cử tri tỉnh Lào Cai, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang).

Nghị định 41/2010/NĐ-CP ra đời đã nhận được sự ủng hộ, đồng tình của đông đảo người dân và tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng hơn cho các TCTD trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Sau hơn hai năm triển khai thực hiện, tình hình cho vay nông nghiệp, nông thôn đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ và tích cực. Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai Nghị định 41/2010/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn số 14/2010/TT-NHNN của NHNN trong thời gian qua cũng đã gặp phải một số khó khăn, vướng mắc, trong đó có vấn đề về đối tượng thụ hưởng và cơ chế bảo đảm. Để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc này, trong thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá để có giải pháp điều chỉnh quy định tại Thông tư 14/2010/TT-NHNN của NHNN cho phù hợp với tình hình thực tế.

2.7. Đề nghị có chính sách hỗ trợ, ưu tiên vốn cho cơ sở và hộ cá thể sản xuất giày dép; cho thanh niên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp để lập nghiệp (cử tri thành phố Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh).

- Về ưu tiên cho các cơ sở và hộ cá thể vay vốn để sản xuất giày dép xuất khẩu: Các cơ sở này được vay vốn TCTD theo quy định hiện hành và được hưởng các chính sách ưu tiên về mức vốn cho vay, được vay vốn bằng ngoại tệ theo quy định của Chính phủ và chỉ đạo của NHNN về việc tập trung vốn tín dụng cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp phù trợ.

- Về ưu tiên cho thanh niên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp: Hiện nay, Ngân hàng Chính sách xã hội đang thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, trong đó có đối tượng là học sinh, sinh viên. Nếu thanh niên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp nhưng chưa có việc làm mà thuộc diện hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn thì được Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác từng phần thông qua các tổ chức chính trị xã hội trên cơ sở hình thành tổ tiết kiệm và vay vốn.

2.8. Đề nghị bổ sung đối tượng cận nghèo vào diện được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội khi sửa Nghị định 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (cử tri các tỉnh Quảng Ninh, An Giang).

Theo kết quả điều tra của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 28/3/2012, số hộ cận nghèo chiếm 6,98% tổng số hộ gia đình trong cả nước và bằng 59,2% số hộ nghèo, do vậy việc ban hành chính sách cho vay ưu đãi đối với hộ cận nghèo cần được nghiên cứu kỹ trên cơ sở cân đối các nguồn lực tài chính của Nhà nước và đảm bảo tính hiệu quả, phù hợp. Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020, NHNN đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo văn bản hướng dẫn cho vay đối tượng cận nghèo để gửi xin ý kiến của các Bộ, ngành liên quan trước khi trình Chính phủ quyết định.

2.9. Có tình trạng một số ngân hàng buộc người vay tiền phải gửi 5% tổng giá trị vay vào thẻ ATM, nhưng không được rút tiền ra và phải ký hợp đồng tai nạn 0,1%. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước kiểm tra lại quy định? (cử tri tỉnh An Giang).

Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng quy định TCTD cho khách hàng vay vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống; khách hàng vay vốn phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Theo đó, trường hợp TCTD yêu cầu khách hàng vay bắt buộc phải để lại một phần tiền vay gửi vào tài khoản ATM để ký quỹ không phù hợp với quy định sử dụng vốn vay đúng mục đích của NHNN.

Đề nghị cử tri cung cấp thông tin cụ thể về TCTD đang áp dụng chính sách này để NHNN kịp thời xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

2.10. *Theo thỏa thuận vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với số tiền vay từ 10-30 triệu đồng người dân phải để lại 500.000 đồng tiền ký quỹ. Số tiền này không được tính lãi trong khi người dân vẫn phải trả lãi số tiền vay này. Đề nghị xem xét để tránh thiệt thòi cho người dân khi vay vốn (cử tri tỉnh Phú Thọ).*

Sau khi nhận được kiến nghị của cử tri, NHNN đã yêu cầu Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra và giải trình về việc này. Thực hiện chỉ đạo của NHNN, hai Ngân hàng đã yêu cầu Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Phú Thọ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Phú Thọ báo cáo, giải trình. Tuy nhiên, cả hai chi nhánh này đã khẳng định không yêu cầu người vay phải ký quỹ như cử tri phản ánh. Đề nghị giải quyết vấn đề này, đề nghị cử tri cung cấp thông tin cụ thể để NHNN xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

2.11. *Đề nghị tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trên lĩnh vực tín dụng, đơn giản hóa thủ tục vay vốn (cử tri các tỉnh Long An, An Giang, Hậu Giang, Nghệ An, Bạc Liêu, Hòa Bình, Gia Lai).*

Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, các TCTD đã có nhiều đổi mới trong việc xây dựng quy trình, thủ tục cho vay nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng và rút ngắn thời gian xem xét, quyết định cho vay, nhất là đối với hộ nông dân, hộ sản xuất ở khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Tuy nhiên, một số thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành khác, được điều chỉnh bởi những quy định khác của pháp luật, như: xây dựng và phê duyệt dự án đầu tư, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thế chấp và cầm cố tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm, kiểm toán báo cáo tài chính... Vì vậy, cần có sự phối hợp tích cực, đồng bộ của các ngành, cấp có liên quan để đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho vay, rút ngắn thời gian xem xét, quyết định cho vay.

III. CÁC KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ CẤU LẠI HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU

3.1. *Cần công khai tình hình nợ xấu của các ngân hàng để nhân dân yên tâm và có thể giám sát, xem xét trách nhiệm của các cá nhân, tập thể, đặc biệt là trách nhiệm của thanh tra ngân hàng (cử tri tỉnh Vĩnh Phúc).*

Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 35/2011/TT-NHNN ngày 11/11/2011 quy định về công bố và cung cấp thông tin của NHNN. Theo đó, NHNN cập nhật và cung cấp thông tin về tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế trên Website của NHNN hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng định kỳ hàng tháng. Bên cạnh số liệu do các TCTD cung cấp, theo kết quả giám sát của NHNN, đến ngày 31/3/2012 nợ xấu của các tổ chức tín dụng là 202.099 tỷ đồng, chiếm 8,6% tổng dư nợ cấp tín dụng. Mặc dù nợ xấu tăng lên do tác động bất lợi của môi trường kinh doanh, song nợ xấu hiện nay vẫn trong tầm kiểm soát.

Về việc xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân: (i) Đối với những cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm pháp luật để xảy ra tổn thất về vốn và tài sản cho TCTD được phát hiện qua hoạt động thanh tra, giám sát, NHNN đã xử lý nghiêm, đúng quy định của pháp luật, kể cả hình thức chuyển hồ sơ sang cơ quan công an, tư pháp xử lý; (ii) NHNN đã rất chú trọng đến việc đánh giá chất lượng tín dụng và thực trạng nợ xấu của TCTD khi xây dựng chương trình công tác thanh tra hàng năm. Đặc biệt, trong năm 2012, NHNN tập trung vào việc đánh giá thực trạng tài chính, mức độ rủi ro, năng lực quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ ở từng nội dung được thanh tra, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp để xử lý, chấn chỉnh và sắp xếp các TCTD theo mức độ rủi ro và thực trạng tài chính.

3.2. Đề nghị cần có biện pháp kịp thời xử lý nợ xấu đang có xu hướng gia tăng tại Ngân hàng Phát triển (cử tri tỉnh Cao Bằng).

Ngân hàng Phát triển Việt Nam được thành lập theo Quyết định 108/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định này, Bộ Tài chính là cơ quan quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động của Ngân hàng Phát triển. Tuy nhiên, thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Ngân hàng phát triển, Ngân hàng Nhà nước đang nghiên cứu xây dựng các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; đồng thời đã ban hành quy định về hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ giúp Ngân hàng Phát triển Việt Nam tăng cường năng lực quản trị rủi ro, đặc biệt là quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng này.

3.3. Đề nghị sớm hoàn thiện Đề án cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, các tổ chức tài chính (cử tri các tỉnh Phú Thọ, An Giang).

Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cơ cấu lại các tổ chức tín dụng nêu tại Kết luận số 10-KL/TW ngày 18/10/2011 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Ngân hàng Nhà nước đã chủ trì xây dựng, trình Chính phủ Đề án cơ cấu lại các TCTD giai đoạn 2011-2015. Đề án đã được Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị ngày 02/2/2012 để cho ý kiến. Tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tại Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012.

Để triển khai thực hiện Đề án, ngày 18/4/2012, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ký Quyết định số 734/QĐ-NHNN về việc ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015”. Mục tiêu của chương trình cơ cấu lại các TCTD giai đoạn 2011-2015 là tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính, củng cố năng lực hoạt động và cải thiện mức độ an toàn, hiệu quả của các TCTD; nâng cao trật tự, kỷ cương thị trường trong hoạt động ngân hàng.

Chương trình đặt ra mục tiêu cho từng giai đoạn đối với sự ổn định và phát triển của hệ thống TCTD, cụ thể: *năm 2012*, về cơ bản, đảm bảo khả năng chi trả của toàn hệ thống, đồng thời xác định, kiểm soát được tình hình của TCTD yếu kém; *năm 2013*, loại bỏ nguy cơ đổ vỡ hệ thống các TCTD, các TCTD yếu kém được xử lý về cơ bản, kỷ cương kỷ luật trong lĩnh vực ngân hàng được lập lại và củng cố; *năm 2014*, hoàn thành cơ cấu lại tài chính của các TCTD và đến *năm 2015* hoàn thành việc cơ cấu lại hoạt động và quản trị.

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-TTg và Quyết định số 734/QĐ-NHNN, NHNN đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt, đồng bộ, thận trọng các giải pháp cơ cấu lại các TCTD theo đúng lộ trình đã đặt ra. Đến nay, chương trình cơ cấu lại đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng là nguy cơ đổ vỡ hệ thống được đẩy lùi; thanh khoản của hệ thống các TCTD được đảm bảo; các rủi ro và TCTD yếu kém trong tầm kiểm soát; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; tâm lý và niềm tin của người

dân được củng cố; quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, nhà đầu tư vào ngân hàng được bảo đảm; không xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt khỏi ngân hàng với quy mô lớn.

3.4. Đề nghị kiểm tra, giám sát chặt chẽ hệ thống ngân hàng, không để xảy ra vỡ nợ (cử tri tỉnh Hưng Yên).

Luật NHNN năm 2010 quy định một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của NHNN là đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD.

Với trách nhiệm của mình, NHNN đã tập trung hoàn thiện các cơ chế, chính sách an toàn hoạt động ngân hàng và tăng cường, công tác thanh tra, giám sát đối với từng TCTD và cả hệ thống TCTD. Thông qua hoạt động thanh tra, giám sát, kỷ cương, kỷ luật hoạt động ngân hàng được tăng cường, tính tuân thủ các quy định pháp luật được đảm bảo, đặc biệt là quy định về cấp tín dụng, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và quy định về an toàn hoạt động tín dụng; đồng thời, đưa ra những cảnh báo, khuyến nghị đối với mỗi TCTD, đặc biệt là những cảnh báo liên quan đến tình hình thanh khoản và chấp hành pháp luật.

Cùng với việc tăng cường công tác thanh tra, giám sát, NHNN cũng đang quyết liệt triển khai cơ cấu lại hệ thống TCTD theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo lộ trình, bước đi phù hợp đến năm 2015, mà trọng tâm là xử lý các TCTD yếu kém và những rủi ro chủ yếu của hệ thống TCTD.

Do những tác động tiêu cực từ khủng hoảng kinh tế thế giới và những khó khăn nội tại của nền kinh tế trong nước dẫn đến khó khăn trong sản xuất kinh doanh, suy giảm năng lực tài chính, khả năng trả nợ của doanh nghiệp và dân cư đang làm cho chất lượng tín dụng của nhiều TCTD và toàn hệ thống có xu hướng giảm. Tuy nhiên, tình hình này vẫn trong tầm kiểm soát và không đáng lo ngại. Một mặt, NHNN đang xây dựng Đề án tổng thể xử lý nợ xấu trình Chính phủ phê duyệt. Mặt khác, NHNN đang chỉ đạo triển khai các giải pháp nhằm kích thích tăng trưởng tín dụng, hỗ trợ cho sự phát triển của sản xuất và tiêu dùng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, làm cơ sở để từng bước xử lý nợ xấu của hệ thống TCTD. Bên cạnh đó, việc hạn chế phá sản, giải thể, mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp và dân cư cũng cần được Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và cả Bộ Chính trị quan tâm phối hợp xử lý.

IV. CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC:

4.1. Đề nghị kiểm tra, quản lý chặt chẽ các điểm kinh doanh của doanh nghiệp, buộc các doanh nghiệp này phải giao dịch bằng đồng Việt Nam, không được niêm yết bằng ngoại tệ (cử tri tỉnh An Giang).

Trong bối cảnh thị trường ngoại hối diễn biến phức tạp, đặc biệt là hoạt động mua bán ngoại tệ trên thị trường tự do và niêm yết giá bằng đôla Mỹ diễn ra phổ biến, từ năm 2009 đến nay, NHNN thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (đặc biệt là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh), các Bộ, ngành, đơn vị chức năng có thẩm quyền liên quan (Bộ Công an, Công Thương, Thông tin và truyền thông) tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành các quy định của pháp luật về ngoại hối để phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính những đơn vị, cá nhân có vi phạm về lĩnh vực ngoại hối theo quy định tại Nghị định số 95/2011/NĐ-CP của Chính phủ 20/11/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10/2/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng⁴. NHNN rất mong nhận được sự hỗ trợ tích cực của cử tri trong việc

⁴ Từ cuối năm 2011 đến nay, NHNN đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 16 tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý ngoại hối (niêm yết giá và thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng ngoại tệ) với tổng số tiền là 3.648 triệu đồng và tịch thu 30.000 USD, 1.655 EUR, 1.570 bảng Anh, 1.200 đô la Úc, 3.150 đô la Singapore, 165.000 JPY, 34.300 rúp Nga, 21.770 đô la Hồng Kông, 10.727 Nhân Dân tệ, 97.630 Bạt Thái, 662.000 Won Hàn Quốc...

phát hiện các hành vi vi phạm quy định về quản lý ngoại hối (niêm yết và thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ).

4.2. Việc trả lương cho người lao động qua ATM có nhiều bất cập, không an toàn, người lao động phải trả phí ATM. Đề nghị trả lương trực tiếp cho người lao động, không nên trả qua ATM (cử tri tỉnh Bến Tre).

Ngày 24/8/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Chỉ thị 20/2007/CT-TTg về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước (Chỉ thị 20). Chỉ thị 20 chỉ áp dụng đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước, còn cán bộ hưu trí hưởng lương hưu từ bảo hiểm xã hội, công nhân.... không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị 20. *Việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị 20 không phải là bắt buộc, chỉ mang tính khuyến khích và phải hoàn toàn trên cơ sở thỏa thuận từ sự tự nguyện của cá nhân người nhận lương và cam kết của các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng người lao động.* Vì vậy, cử tri, người lao động không có nhu cầu trả lương qua tài khoản thì có thể yêu cầu doanh nghiệp, người sử dụng lao động không sử dụng hình thức trả lương đó cho mình.

Về thu phí ATM, NHNN khẳng định trong năm 2012 chưa thu phí giao dịch rút tiền ATM nội mạng, cũng như chưa điều chỉnh mức phí giao dịch ATM ngoại mạng đối với khách hàng sử dụng thẻ.

Có thể khẳng định việc ban hành Chỉ thị 20 là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần cải tiến công tác chi ngân sách nhà nước của Kho bạc Nhà nước, là tiền đề thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần giảm chi phí xã hội liên quan đến tiền mặt, giúp phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong nền kinh tế, đồng thời tăng cường sự quản lý nhà nước theo hướng minh bạch hóa đối với các chi tiêu tài chính từ ngân sách và vốn nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được còn có một số hạn chế như: chất lượng cung ứng dịch vụ ATM của các ngân hàng chưa đồng đều; dịch vụ chăm sóc khách hàng có lúc, có nơi chưa thật tốt; an ninh, an toàn trong giao dịch ATM chưa được đảm bảo. Đặc biệt là công tác tuyên truyền chưa đồng bộ, chưa có sự quan tâm đúng mức của các cơ quan, ban, ngành cũng như các phương tiện thông tin đại chúng. Nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trên, NHNN đã chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố định hướng triển khai Chỉ thị theo tinh thần thận trọng, chặt chẽ và đúng đối tượng. Chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trước khi triển khai ở khu vực, đơn vị nào đều phải đảm bảo ở đó đã chuẩn bị tốt các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện liên quan.

4.3. Đề nghị ngành Ngân hàng có những biện pháp phòng chống tình trạng tham nhũng trong hoạt động ngân hàng (cử tri tỉnh Tiền Giang).

Trong thời gian qua, Ngành ngân hàng đã triển khai nhiều biện pháp để đấu tranh, phòng ngừa và xử lý tình trạng tham nhũng trong hoạt động ngân hàng, cụ thể: (i) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng theo Quyết định số 1232/QĐ-NHNN ngày 18/6/2012 của Thống đốc NHNN về việc Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ công chức, viên chức ngành Ngân hàng giai đoạn 2012 – 2016; (ii) Thực hiện công khai, minh bạch, kê khai tài sản, xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; (iii) Tăng cường các biện pháp quản lý nghiệp vụ, quản lý cán bộ; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; luân chuyển vị trí công tác của các cán bộ, công chức, viên chức; (iv) Thường xuyên rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các văn bản

quy phạm pháp luật trong hoạt động quản lý, kinh doanh ngân hàng, đảm bảo chặt chẽ, minh bạch hơn nhằm tránh sơ hở để phát sinh tham nhũng, tội phạm; thường xuyên cảnh báo các hành vi, thủ đoạn vi phạm pháp luật để các đơn vị cảnh giác; xây dựng hành lang pháp lý, khung pháp lý một cách thống nhất, chuẩn mực; (v) Tăng cường công tác thanh tra, giám sát của NHNN đối với các TCTD theo chương trình, kế hoạch và đột xuất. Những trường hợp tham nhũng phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý nghiêm khắc, nhiều trường hợp đã chuyển hồ sơ để cơ quan tư pháp khởi tố, điều tra và truy tố trước pháp luật; (vi) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành Ngân hàng trong việc xử lý các thông tin liên quan đến tình hình vi phạm pháp luật, tham nhũng, tội phạm, đặc biệt là việc cung cấp thông tin cho Cơ quan Công an về tài khoản của các đối tượng có liên quan trong những vụ việc vi phạm lớn. Tiến hành tổ chức giám định khi có yêu cầu của cơ quan liên quan có thẩm quyền; (vii) Xây dựng và ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành; (viii) Yêu cầu các TCTD tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ của từng đơn vị, chủ động phát hiện sớm những hành vi tham nhũng để ngăn chặn. Quản lý chặt chẽ các cán bộ làm việc tại các khâu, nghiệp vụ quan trọng, nhạy cảm dễ xảy ra tình trạng tham nhũng. Thường xuyên giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, nhân viên...

4.4. Đề nghị tăng cường các quỹ tín dụng nhỏ lẻ và thống nhất lãi suất cho vay và huy động giữa các ngân hàng và quỹ tín dụng (cử tri tỉnh Nghệ An).

- Về tăng cường các quỹ tín dụng nhân dân nhỏ lẻ: Hơn 10 năm qua, hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) tại Việt Nam đã được củng cố, hoàn thiện và phát triển. Để đánh giá kết quả hoạt động, từ đó xác định định hướng phát triển trong thời gian tới cho hệ thống QTDND, NHNN đã báo cáo Thường trực Ban bí thư cho phép triển khai tổng kết thực hiện Chỉ thị số 57/CT-TW ngày 10/10/2000 của Bộ Chính trị về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống QTDND. Trong thời gian tiến hành tổng kết Chỉ thị số 57/CT-TW, NHNN đang tạm dừng việc xem xét, cấp phép thành lập mới QTDND. Việc thành lập mới QTDND và các cơ chế chính sách cụ thể nhằm khuyến khích sự phát triển và tăng cường năng lực thể chế cho hệ thống QTDND sẽ được thực hiện trên cơ sở kết quả tổng kết Chỉ thị số 57/CT-TW.

- Về thống nhất lãi suất cho vay và huy động giữa các ngân hàng và quỹ tín dụng: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở là một loại hình TCTD với quy mô tài chính nhỏ và hoạt động chủ yếu ở địa bàn nông thôn. Do đặc thù này cho nên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khó khăn hơn các ngân hàng thương mại trên địa bàn trong việc huy động và cho vay vốn. Vì vậy, để tạo điều kiện cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hoạt động và hạn chế tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gây xáo trộn thị trường tiền tệ ở các địa phương, NHNN đã quy định riêng đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở: (i) Lãi suất tiền gửi bằng VND đối với kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng tối đa là 9,5%/năm, cao hơn 0,5%/năm lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND của các TCTD khác; (ii) Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với 04 lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ) tối đa là 14%/năm, cao hơn 1%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của các TCTD khác.

4.5. Đề nghị thu hồi tiền xu, vì hiện nay, việc lưu thông loại tiền này không hiệu quả (cử tri tỉnh Bình Thuận).

Những hạn chế của tiền kim loại trong lưu thông đã được NHNN phối hợp với Viện hoá học thuộc Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam và các cơ quan liên quan tiến hành đánh giá, nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng của đồng tiền kim loại. Trên cơ sở đó, NHNN đã trình và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, chưa phát hành thêm tiền kim loại, đồng thời tiếp tục duy trì tiền kim loại trong lưu thông.

NHNN cũng chỉ đạo các chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố và các ngân hàng thương mại tăng cường công tác thu, đổi, tuyển chọn tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông cho khách hàng. Trường hợp, các đơn vị không thực hiện thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, đề nghị cử tri phản ánh cụ thể để NHNN có biện pháp xử lý.